

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP VÀ
THƯƠNG MẠI

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của cơ sở giáo dục thường xuyên,

năm học 2024 - 2025

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Lớp. ..
I	Số học viên thuộc diện xếp loại hạnh kiểm	268	52	103	113	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	61.74%	38.46%	49.51%	77.56%	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	28.94%	34.62%	35.92%	22.44%	
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0%	21.15%	6.8%	0%	
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	3.22%	3.85%	7.77%	0%	
II	Số học viên chia theo học lực	268	52	103	113	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	5.22%	0%	1.94%	10.62%	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	86.94%	80.77%	87.38%	89.38%	
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	2.61%	7.69%	2.91%	0%	
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	5.22%	11.54%	7.77%	0%	
III	Số học viên dự xét hoặc thi tốt nghiệp	0	0	113		
IV	Số học viên được công nhận tốt nghiệp	0	0	113		
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0		
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0		
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	100		
V	Số học viên thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0			
VI	Số học viên vào học các cơ sở GD nghề nghiệp khác (tỷ lệ so với tổng số)	0	0			



B. Đào tạo liên kết hình thức vừa làm vừa học, từ xa (đại học, cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm)

STT		Trình độ đào tạo	Quy mô đào tạo	Số học viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp			Tỷ lệ học viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (Đối với học viên chưa có việc làm)
					Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
I	Tổng số							
II	Liên kết đào tạo hình thức vừa làm vừa học	0						
1	Chuyên ngành							
2	...							
III	Liên kết đào tạo hình thức từ xa	0						
1	Chuyên ngành							
2							
IV	Chương trình đào tạo, bồi dưỡng liên kết với các doanh nghiệp	0						
1	Chuyên ngành							
2							

C. Các chương trình bồi dưỡng, đào tạo khác

Hà Nội, ngày tháng 9 năm 2025 

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Hải Bằng